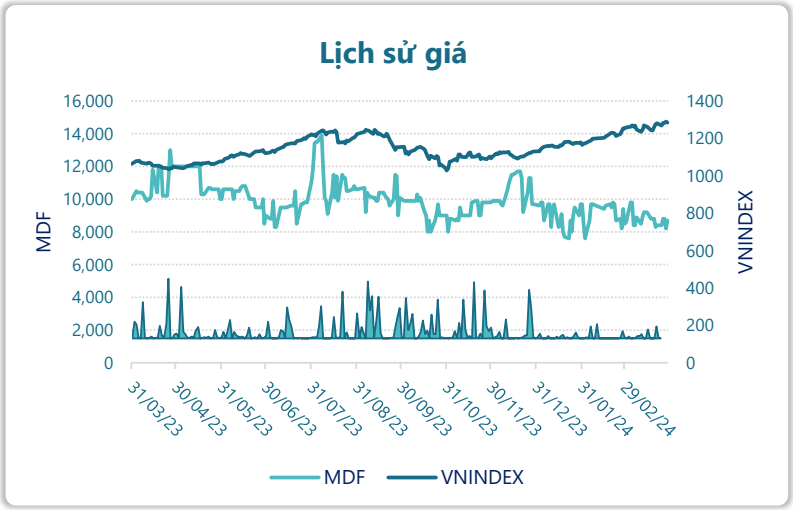
FireAnt

CTCP Gỗ MDF VRG - Quảng Trị (UPCOM: MDF)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**8,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,600
SL cổ phiếu LH	55,113,595
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,370
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	479
P/E	-17.5
EPS	-496

DT thuần

Q1/24

215

tỷ VNĐ

QoQ: ▼49.0| -18.5%

YoY: ▲ 51.0| 31.3%

LN sau thuế

Q1/24

-10.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.39| -102%

YoY: ▲ 10.0| 48.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

1.5%

+/- YoY: ▼ 1.5%

DT thuần

2023

785

tỷ VNĐ

YoY: ▼503| -39.1%

LN sau thuế

2023

-26.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼31.9| -569%

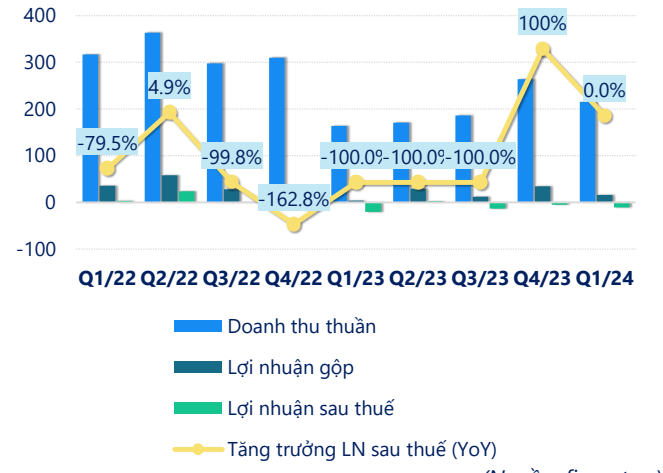
ROE

2023

-4.0%

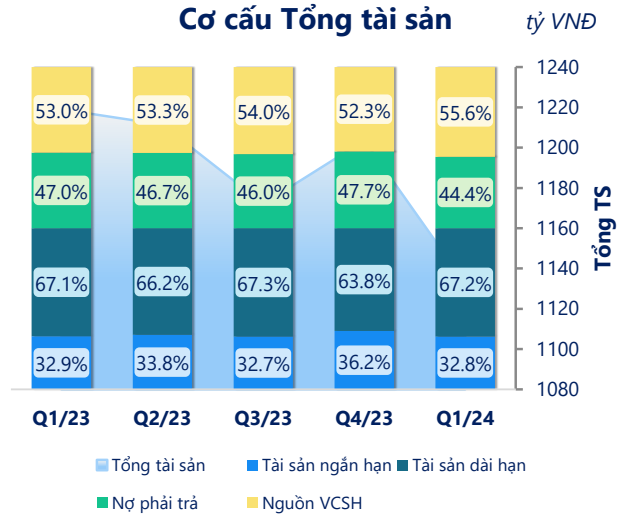
+/- YoY: ▼ 4.8%

Kết quả kinh doanh



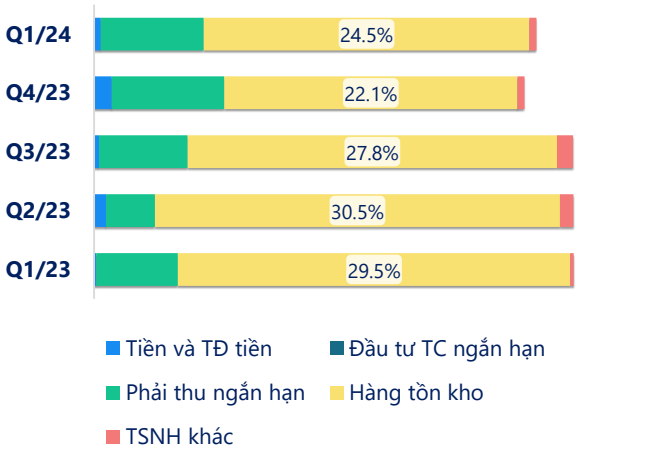
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



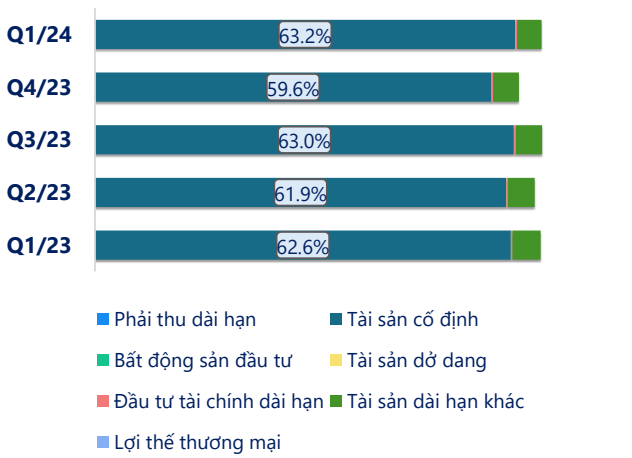
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



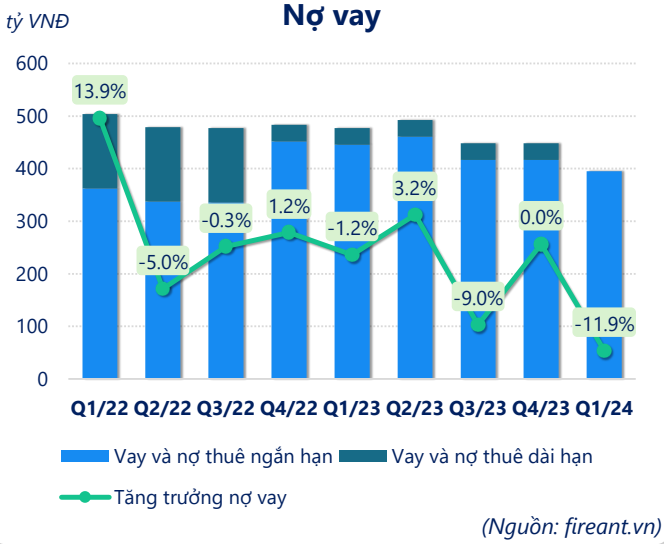
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



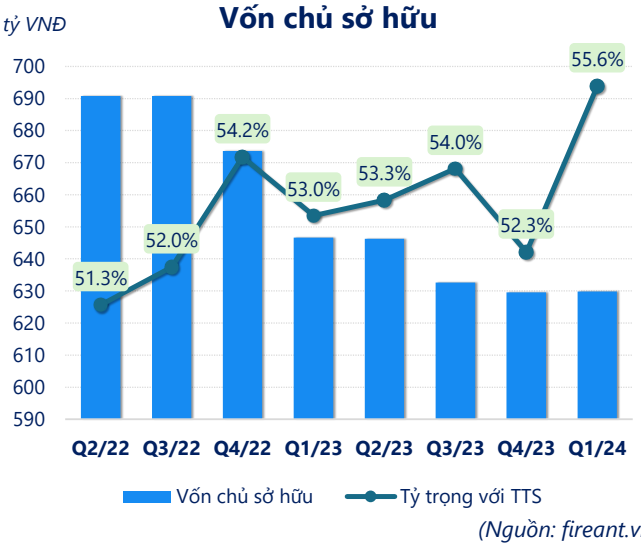
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



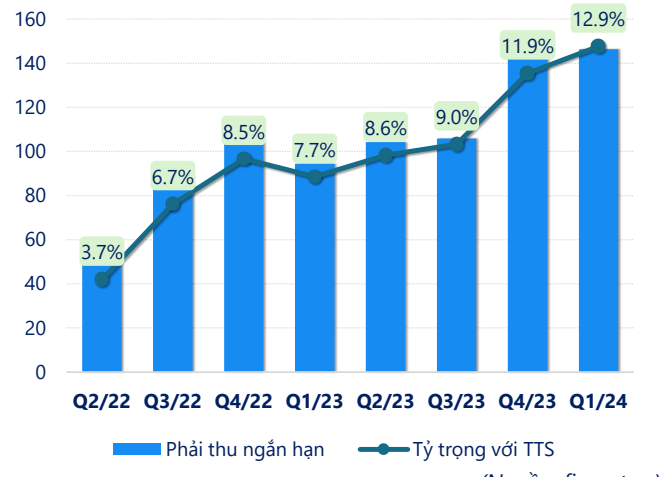
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



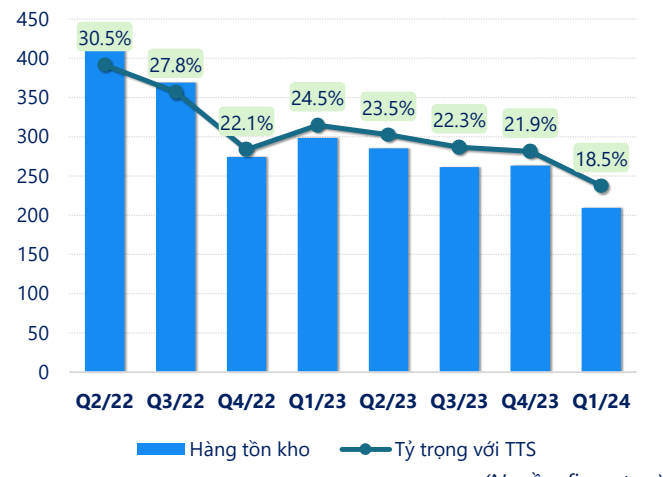
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



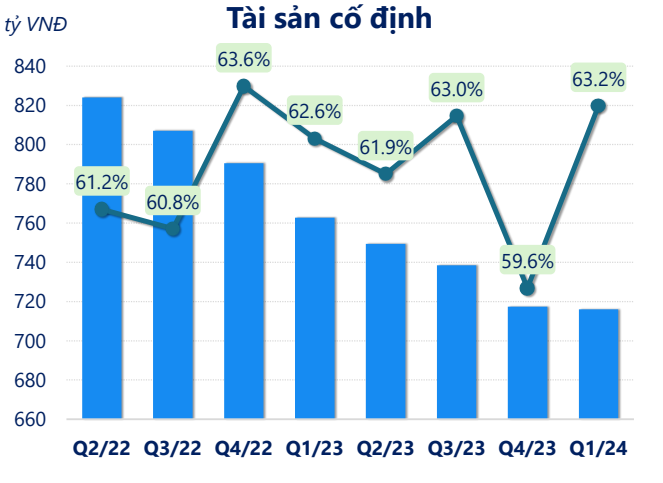
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



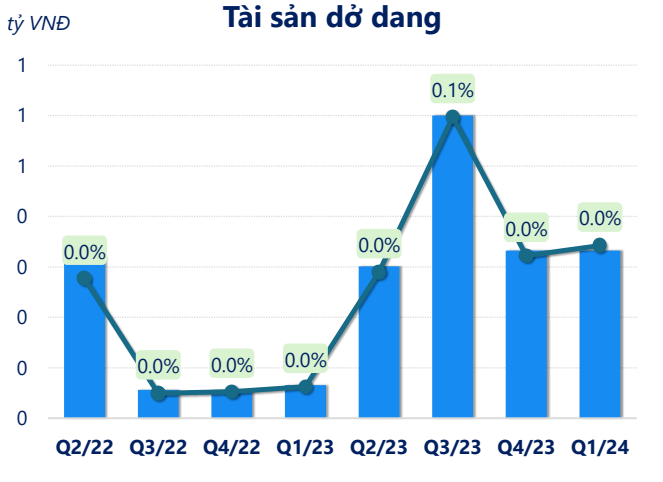
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



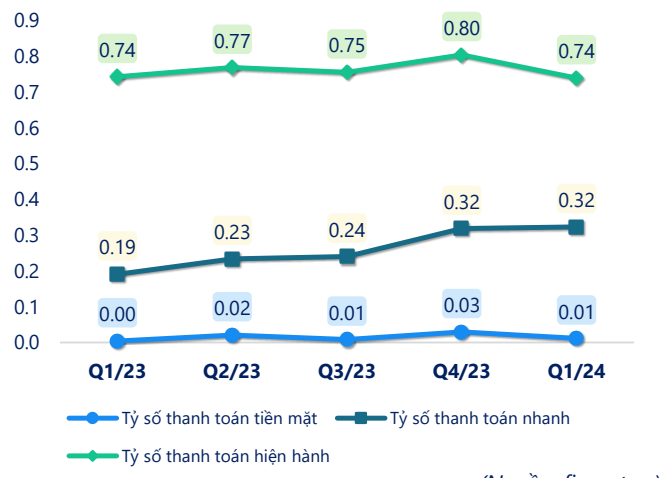
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



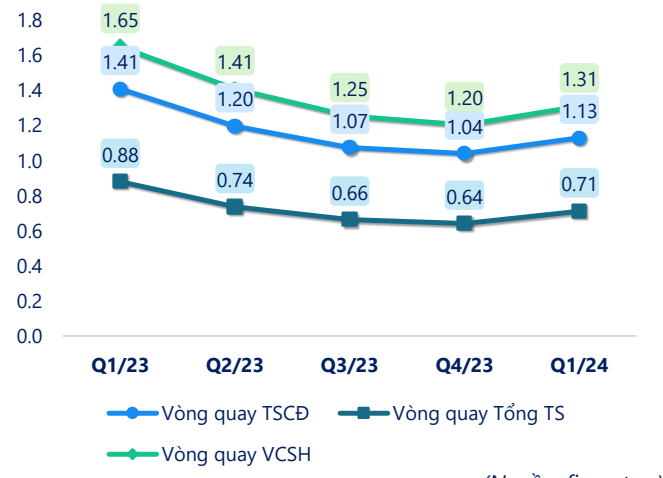
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**1,219**	**1,211**	**1,172**	**1,204**	**1,133**
Tài sản ngắn hạn	**402**	**410**	**383**	**436**	**372**
Tiền và tương đương tiền	2.16	11.1	4.30	16.0	5.80
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	94.4	104	106	143	146
Hàng tồn kho	298	285	261	263	209
Tài sản ngắn hạn khác	6.49	9.51	11.8	13.9	10.3
Tài sản dài hạn	**818**	**802**	**789**	**768**	**761**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	763	749	739	717	716
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.07	0.30	0.60	0.33	0.33
Đầu tư tài chính dài hạn	3.00	3.00	3.00	3.00	3.00
Tài sản dài hạn khác	51.7	48.9	46.5	47.0	41.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**572**	**565**	**539**	**574**	**503**
Nợ ngắn hạn	**541**	**534**	**508**	**542**	**503**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	446	461	417	416	395
Phải trả người bán ngắn hạn	70.1	45.7	52.9	106	83.0
Nợ dài hạn	31.6	31.6	31.6	31.6	0
Vay và nợ thuê dài hạn	31.6	31.6	31.6	31.6	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**647**	**646**	**633**	**630**	**630**
Vốn chủ sở hữu	**647**	**646**	**633**	**630**	**630**
Vốn điều lệ	551	551	551	551	551
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)